TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 118/2023/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Lê Phú B, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số A6/1, Quốc lộ 60, ấp 1, xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Tố N, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp TN, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Chị Nguyễn Thị Diễm L, sinh năm: 1994.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp TN, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp QD, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị K được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần đất có diện tích 2500.0m^2 thuộc thửa đất số 237A, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (có bản vẽ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị K được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần đất có diện tích 1528.0m^2 thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (có bản vẽ kèm theo).

- Ông Lê Phú B được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần đất có diện tích 2933.2m^2 thuộc thửa đất số 237B, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (có bản vẽ kèm theo).

- Ông Lê Phú B được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần đất có diện tích 1041.4m^2 thuộc thửa đất số 272, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (có bản vẽ kèm theo).

- Ông Lê Phú B được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần đất có diện tích 283.0m^2 thuộc thửa số 110A, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (có bản vẽ kèm theo).

- Ông Lê Phú B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian trả tiền kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị K, ông Lê Phú B và chị Nguyễn Thị Diễm L, ông Nguyễn Văn G không tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với thửa số 255, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre nên không xem xét.

- Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho đương sự khác và nghĩa vụ án phí được xác định trong quyết định này.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre căn cứ vào quyết định này điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00678 đã cấp cho bà Nguyễn Thị K và ông Lê Phú B ngày 09/7/2012; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00679 đã cấp cho bà Nguyễn Thị K và ông Lê Phú B ngày 09/7/2012; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 68 QSDĐ/58 QĐ-UB đã cấp cho hộ ông Lê Phú B ngày 28/3/1997 để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nêu trên theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí thu thập chứng cứ:

Bà Nguyễn Thị K và ông Lê Phú B mỗi người chịu ½ chi phí thu thập chứng cứ là 5.621.500 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng). Do bà Nguyễn Thị K đã nộp chi phí tạm ứng nên ông Lê Phú B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 5.621.500 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.056.000 đồng (Mười triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018894 ngày 17 tháng 8 năm 2018; số tiền 19.341.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018895 ngày 17 tháng 8 năm 2018; số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005754 ngày 14 tháng 12 năm 2020 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005745 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị K được hoàn lại số tiền chênh lệch là 13.635.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Ông Lê Phú B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.081.200 đồng (Mười sáu triệu không trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 554.000 đồng (Năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007064 ngày 06 tháng 5 năm 2021 và số tiền 392.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005844 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông Lê Phú B có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí là 15.135.200 đồng (Mười lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân